

## Biểu phí dịch vụ Thẻ tín dụng CIMB - Finhay

Hiệu lực từ 15/07/2026

| Dịch vụ                                     | Mức phí                                                                                                                           |
|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Phí phát hành và Phí thường niên Thẻ</b> |                                                                                                                                   |
| Phí phát hành                               | <b>Miễn phí</b>                                                                                                                   |
| Phí thường niên                             |                                                                                                                                   |
| Năm đầu tiên                                | <b>300,000 VNĐ</b><br><b>Miễn phí</b> nếu khách hàng có chi tiêu tối thiểu 1,000,000 VNĐ trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hành. |
| Năm thứ hai trở đi                          | <b>300,000 VNĐ</b><br><b>Miễn phí</b> nếu khách hàng có chi tiêu tối thiểu từ 30 triệu đồng trong năm liền trước.                 |
| Phí rút tiền ATM nội địa                    | 3%                                                                                                                                |
| Phí rút tiền ATM nước ngoài                 | 3%                                                                                                                                |
| Phí giao dịch ngoại tệ                      |                                                                                                                                   |
| Giao dịch thanh toán qua POS                | 3%                                                                                                                                |
| Giao dịch thanh toán Online                 | 3%                                                                                                                                |
| Giao dịch rút tiền ATM                      | 3%                                                                                                                                |
| Phí xử lý giao dịch nước ngoài              | <b>Miễn phí</b>                                                                                                                   |
| Phí giao dịch bị từ chối                    | <b>Miễn phí</b>                                                                                                                   |
| <b>Phí Quản lý thẻ</b>                      |                                                                                                                                   |

|                                                                |                                                                                                                                                                                                                                       |
|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Phí cấp lại mã PIN điện tử                                     | <b>Miễn phí</b>                                                                                                                                                                                                                       |
| Phí gia hạn thẻ                                                | <b>Miễn phí</b>                                                                                                                                                                                                                       |
| Phí thay thẻ/ phát hành lại thẻ                                | 200,000 VNĐ                                                                                                                                                                                                                           |
| Phí đóng thẻ                                                   |                                                                                                                                                                                                                                       |
| Nếu đóng thẻ trong vòng 12 tháng kể từ ngày phát hành lần đầu. | 300,000 VNĐ                                                                                                                                                                                                                           |
| Phí xác nhận số dư hoặc thông tin thẻ <sup>(1)</sup>           | 110,000 VNĐ/ lần <sup>(1)</sup>                                                                                                                                                                                                       |
| Phí khiếu nại sai                                              | 200,000 VNĐ                                                                                                                                                                                                                           |
| Phí chậm thanh toán                                            | 5% áp dụng trên toàn bộ dư nợ gốc cuối kỳ chưa thanh toán ghi nhận tại bảng sao kê thẻ tín dụng hàng tháng.<br>Phí chậm thanh toán sẽ đến hạn ngay vào ngày đến hạn thanh toán của kỳ sao kê ghi nhận việc khách hàng chậm thanh toán |
| <b>Phí khác</b>                                                |                                                                                                                                                                                                                                       |
| Phí chuyển phát                                                |                                                                                                                                                                                                                                       |
| Chuyển phát thường hoặc nhận qua thư tín điện tử;              | <b>50,000 VNĐ/ lần</b>                                                                                                                                                                                                                |
| Chuyển phát nhanh trong địa bàn Tp. HCM.                       | 100,000 VNĐ/ lần                                                                                                                                                                                                                      |
| Chuyển phát nhanh ngoài địa bàn Tp.HCM.                        | 180,000 VNĐ/ lần                                                                                                                                                                                                                      |
| Phí dịch vụ khác áp dụng theo yêu cầu của khách hàng           | 200,000 VNĐ/ lần                                                                                                                                                                                                                      |
| Phí dịch vụ yêu cầu đặc biệt                                   | 500,000 VNĐ/ lần                                                                                                                                                                                                                      |
| Phí tra soát giao dịch                                         | 200,000 VNĐ/ giao dịch                                                                                                                                                                                                                |
| <b>Lãi suất</b>                                                |                                                                                                                                                                                                                                       |

|                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Lãi suất áp dụng cho dư nợ từ giao dịch mua sắm (thanh toán hàng hóa, dịch vụ) | 36.49% / năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Lãi suất áp dụng cho dư nợ từ giao dịch rút tiền                               | 39.49% / năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>Thanh toán dư nợ thẻ</b>                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| Số kỳ hạn thanh toán                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản trả góp hàng tháng sẽ được tính phụ thuộc vào dư nợ tính lãi và theo số kỳ hạn thanh toán mặc định thành nhiều đợt bằng nhau bao gồm nợ gốc và lãi.</li> <li>- Số tiền tối thiểu của từng Khoản thanh toán hàng tháng là 50,000 VNĐ.</li> <li>- Kỳ hạn thanh toán mặc định tối đa là 48 tháng.</li> </ul> <p>Các thông tin này sẽ được thể hiện trên Bảng Sao Kê hàng tháng.<br/>(*) Số tiền tối thiểu và Kỳ hạn thanh toán mặc định có thể thay đổi theo quy định của CIMB từng thời kỳ.</p> |
| Khoản thanh toán tối thiểu                                                     | <p>Khoản thanh toán tối thiểu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 5% tổng số tiền của các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ mới phát sinh trong kỳ sao kê; và</li> <li>- Các khoản trả góp hàng tháng của các dư nợ quá hạn; và</li> <li>- Các khoản trả góp hàng tháng của các dư nợ đến hạn; và</li> <li>- Các khoản phạt (như lãi, phí trả nợ trễ hạn...) (nếu có)</li> </ul>                                                                                                                                      |

<sup>(1)</sup> Tối đa 3 bản/ lần

**Ghi chú:**

- Biểu phí này đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng VAT;
- Phí được tính trên từng giao dịch hoặc yêu cầu, trừ trường hợp được quy định khác tại Biểu phí này.
- Các dịch vụ thẻ khác không được nêu tại Biểu phí này sẽ được cung cấp theo yêu cầu của Khách hàng với mức phí theo quy định CIMB.